

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13-3-2019

Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-02-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Đông, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1975 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đông, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Phạm Minh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, thành phố Bà Rịa vào ngày 16-4-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung là cháu Phạm Phi H, nhưng được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông T sống không có trách nhiệm với vợ con và mâu thuẫn về kinh tế.

Tháng 3-2016, bà L đưa con về bên nhà ngoại sinh sống và có đơn xin ly hôn với ông T, qua hòa giải bà L tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống lo cho con. Sau khi quay về bà L đã cố gắng hàn gắn, chịu đựng để con có đủ tình yêu thương của cha và mẹ nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Cuối năm 2017, bà L lại đưa con về bên ngoại sinh sống cho đến nay, trong khoảng thời gian này vợ chồng vẫn không hòa giải được với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Phi H, sinh ngày 01-8-2018 và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Văn bản trình bày ý kiến, Bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Minh T trình bày:

Ông T xác nhận về việc chung sống, đăng ký kết hôn và con chung đúng như bà L trình bày. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm trong cuộc sống hơn nữa do chênh lệch về độ tuổi khá lớn nên có suy nghĩ, lối sống khác nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau cũng như được gia đình hai bên hòa giải nhưng không giải quyết được. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L và giao con chung là cháu Phạm Phi H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không thể tham gia các buổi làm việc, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa được nên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm; bị đơn ông Phạm Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ. Tuy nhiên về thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Thẩm phán không ra Thông báo hoãn phiên họp, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được với lý do là bị đơn vắng mặt là chưa đúng quy định tại các điều 208, 209 và 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L. Về án phí, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng đối với bị đơn ông Phạm Minh T được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng*” theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay ông T đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phạm Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Phước, thành phố Bà Rịa cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà L vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn kinh tế. Ông T cũng thừa nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc đã từ lâu bà L đưa con về bên ngoại ở và sống ly thân cho đến nay. Trong quá

tổ tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn nhưng ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thùy L thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Phi H, sinh ngày 01-8-2015. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con và ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Minh T phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng” đối với ông Phạm Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Phạm Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Phi H, sinh ngày 01-8-2015 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Minh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng một tháng và việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3-2019 cho đến khi cháu Hùng trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Minh T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0005588 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Phạm Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13-3-2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. *“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức